

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 84 /2026/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 05 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định một số nội dung về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng
cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 43/2022/NĐ-CP của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 127/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP và Nghị định số 52/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 73/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn, trích khấu hao tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 36/2025/TT-BTC;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 796/TTr-SNNMT ngày 15 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định một số nội dung về quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quyết định này quy định giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; ghi sổ kế toán, tính hao mòn, trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh.

b) Quyết định này không điều chỉnh đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 43/2022/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Tài chính.

b) Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

c) Cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng, khai thác, thanh lý, xử lý, ghi sổ kế toán, tính hao mòn, trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Điều 2. Giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh.

3. Việc xác định tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch và pháp luật chuyên ngành về cấp nước.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch giao cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/tài sản.

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung; quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

b) Sở Xây dựng quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị; quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý có nguyên giá dưới 5 tỷ đồng/tài sản.

Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung; quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

3. Nguyên giá làm căn cứ xác định thẩm quyền quy định tại Điều này là nguyên giá của tài sản đang được theo dõi, ghi sổ kế toán theo quy định của pháp luật tại thời điểm lập hồ sơ đề nghị thanh lý, xử lý. Trường hợp tài sản chưa được

ghi sổ kế toán thì nguyên giá được xác định theo quy định của pháp luật về quản lý, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Điều 4. Ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung

Việc ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung được thực hiện theo một hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị

Việc ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị được thực hiện theo một hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh hoặc theo từng tài sản độc lập.

3. Việc ghi sổ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải phù hợp với hồ sơ quản lý tài sản, hồ sơ hoàn thành công trình, hiện trạng tài sản và phương thức quản lý, khai thác; bảo đảm thống nhất, đầy đủ, không trùng lặp, không bỏ sót tài sản và thực hiện theo quy định của pháp luật về kế toán và quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 5. Việc tính hao mòn, trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung

a) Thực hiện tính hao mòn toàn bộ, không trích khấu hao.

b) Thời gian tính hao mòn, tỷ lệ tính hao mòn như sau:

STT	Loại tài sản	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ tính hao mòn (%/năm)
	Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung thực hiện ghi sổ kế toán theo hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh		
1	Hệ thống công trình cấp nước bơm dẫn	10	10
2	Hệ thống công trình cấp nước tự chảy	10	10

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị

a) Thực hiện trích khấu hao toàn bộ, không tính hao mòn.

b) Thời gian trích khấu hao, tỷ lệ trích khấu hao như sau:

STT	Loại tài sản	Thời gian trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ trích khấu hao (%/năm)
I	Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đối với trường hợp ghi sổ kế toán là hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh		
1	Hệ thống cấp nước tập trung hoàn chỉnh	25	4

STT	Loại tài sản	Thời gian trích khấu hao (năm)	Tỷ lệ trích khấu hao (%/năm)
II	Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đối với trường hợp ghi sổ kế toán là từng tài sản độc lập		
1	Công trình khai thác nước	25	4
2	Công trình xử lý nước	20	5
3	Mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch	20	5
4	Thiết bị đo đếm nước	10	10
5	Các công trình phụ trợ có liên quan	15	6,67

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung cho đối tượng quản lý đảm bảo thống nhất, phù hợp với điều kiện cụ thể về quy mô công trình, công nghệ cấp nước, xử lý nước, đặc điểm kinh tế, xã hội của từng đối tượng tại địa phương.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo quy định của pháp luật chuyên ngành về cấp nước; phối hợp với Sở Tài chính thực hiện các nội dung về quản lý tài sản công, kế toán, tính hao mòn và trích khấu hao theo quy định.

d) Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn theo quy định.

2. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị cho đối tượng quản lý theo quy định, đảm bảo thống nhất, phù hợp với điều kiện cụ thể về quy mô công trình, công nghệ cấp nước, xử lý nước, đặc điểm kinh tế, xã hội của từng đối tượng tại địa phương.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị theo quy định của pháp luật chuyên ngành về cấp nước; phối hợp với Sở Tài chính thực hiện các nội dung về quản lý tài sản công, kế toán, tính hao mòn và trích khấu hao theo quy định.

d) Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, kế toán, tính hao mòn, trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quản lý, thanh lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

c) Kiểm tra theo thẩm quyền hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quản lý, bảo vệ, khai thác và sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được giao quản lý theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện việc ghi sổ kế toán, tính hao mòn, cập nhật dữ liệu và chế độ báo cáo đối với tài sản được giao quản lý theo quy định.

c) Chủ trì rà soát, thống kê, theo dõi và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác, thanh lý, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được giao quản lý.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 23/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái quy định việc ghi sổ kế toán; thời gian, tỉ lệ tính hao mòn; thời gian, tỉ lệ trích khấu hao đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung và tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 7;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB và TC thi hành PL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo điện tử tỉnh;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD_(Đồng).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Anh